

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
‘Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **185/2019/HS-PT**

Ngày: 25 -7 -2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn.**

Ông **Nguyễn Cường.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 182/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 726/2019/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày: 25/02/1991 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thành phố Hải Phòng) . Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970, trú tại: thành phố Hải Phòng. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba chị em, chị lớn nhất sinh năm 1988, em nhỏ nhất sinh năm 1996. Bị cáo có vợ là Trần Khánh C (đăng ký kết hôn năm 2019) và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012 (con với người vợ cũ là Nguyễn Thị Hồng V, không đăng ký kết hôn). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 31/7/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn bị cáo Nguyễn Văn Đ không có kháng cáo, không bị kháng nghị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/6/2018, Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Kon Tum trong khi làm nhiệm vụ tại khu vực đường H, phường Q, TP. K phát hiện đối tượng Võ Đình P (*sinh năm 1994, trú tại tỉnh Đắk Lắk*) và Cù Chính H1 (*sinh năm 1998, trú tại tỉnh Đắk Lắk*) có hành vi dán tờ rơi quảng cáo cho vay trên tường nhà dân, trụ điện, tổ công tác làm việc với H1 và P thì được biết Nguyễn Văn H (thuê nhà ở tại TP. K, tỉnh Kon Tum) thuê H1 và P đi dán tờ rơi quảng cáo cho vay tiền nêu trên. Kết quả điều tra xác định:

Khoảng thời gian tháng 9/2017, Nguyễn Văn H có quen biết một người tên H2 ở Thành phố Hải Phòng (*không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể*), người tên H2 này nói với H có bạn tên Tuấn (*không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể*) làm nghề cho vay trả góp ở tỉnh Kon Tum đang cần người làm và quản lý, qua cuộc nói chuyện, H đồng ý và nhờ H2 giới thiệu H cho T. Sau đó, H gặp H2 và T tại thành phố K, tại đây T hướng dẫn cho H cách thức cho vay trả góp, tức là người vay sẽ trả góp một khoản tiền theo ngày kể từ ngày vay, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi chia đều trong khoảng thời gian 36, 40 hoặc 50 ngày (*lãi suất được tính theo ngày 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, quy đổi lãi suất theo năm là 182,5%/01 năm*). Hồ sơ vay tiền gồm có các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy phép lái xe, Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn; 01 giấy nhận tiền có nội dung người vay nhận số tiền vay (*bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi*) và số ngày hẹn trả; 01 hợp đồng thuê xe máy (*tức người vay tiền là người thuê xe, trị giá xe mô tô cho thuê bằng số tiền vay; còn người cho thuê xe, đặc điểm và loại xe để trống không ghi*); 01 giấy bàn giao xe máy (*người bàn giao, đặc điểm và loại xe để trống không ghi*); 01 bản cam kết (*thể hiện nội dung cách thức trả tiền và người vay nếu mượn lại giấy tờ tùy thân thì phải đặt cọc một khoản tiền khác*).

Người vay tiền ký xác nhận hoặc điểm chỉ vào các loại giấy tờ có nội dung thỏa thuận và giấy nhận tiền, bàn giao xe; tiền lãi và tiền gốc người vay trả theo ngày kể từ ngày vay tiền đến hết thời hạn theo thỏa thuận; người vay có thể tiếp tục vay (*đáo hạn*), với điều kiện phải trả đủ khoản vay trước (*cả gốc và lãi*); hàng ngày người vay đến cơ sở của Nguyễn Văn H trả tiền và được ghi chép vào sổ theo dõi.

Thời gian đầu, Nguyễn Văn H thuê nhà ở đường Trần Phú, thành phố K để cho vay trả góp và được T đưa cho H 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) tiền vốn, mỗi tháng T trả lương cho H 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), hàng tháng T đến cơ sở cho vay của H kiểm tra; tiền vốn còn nhiều thì T sẽ thu bớt, còn ít T sẽ đưa thêm tiền. Để có người giúp việc cho vay, Nguyễn Văn H thuê Nguyễn Văn Đ, H trả lương cho Đ từ 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) đến 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*)/01 tháng, đồng thời nhờ Đ đứng tên hộ đăng ký kinh doanh “H2 H”, Giấy phép kinh doanh số 38A8011852 do Phòng Kế hoạch – Tài chính thành phố K cấp ngày 10/01/2018, ngành nghề kinh doanh là “*Đại lý bán vé máy bay và dịch vụ cho thuê xe ô tô, xe máy*”.

Trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 18/6/2018, Nguyễn Văn H thuê nhà số 386 H, phường Q, thành phố K làm cơ sở cho vay, theo đó H là người quản lý và giữ quỹ; đồng thời H in các tờ rơi quảng cáo cho vay bằng giấy A4 có nội dung “Cho vay trả góp – Không cần thế chấp – Giải ngân trong ngày – Thủ tục: Hộ khẩu + CMT (bản gốc) (*tức là Chứng minh nhân dân*)– Giới thiệu khách có hoa hồng – liên hệ: 01212014613”, rồi thuê Võ Đình P và Cù Chính H1 đi dán tờ rơi trên các trụ điện, tường nhà ở khu vực thành phố K. Khi có người cần vay tiền thì gọi điện thoại vào số điện thoại ghi trên tờ rơi, H hoặc Đ nghe điện thoại nói người vay đến địa chỉ số 386 H, TP. K để gặp thỏa thuận về cách thức vay tiền và trả tiền, tùy theo nhu cầu người vay tiền có thể vay khoản tiền từ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) đến 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), sau đó H hoặc Đ đến nhà người vay tiền xác minh nơi ở, nghề nghiệp, tình trạng thu nhập để H quyết định số tiền cho vay. Thời gian nêu trên, H cho 93 người vay tiền với 287 lượt vay (trong đó có thể 01 người vay nhiều lần), tổng số tiền cho vay là 2.962.000.000 đồng (*Hai tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu đồng*); Nguyễn Văn Đ tham gia cho 85 người vay tiền với 248 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 2.581.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm tám mươi một triệu đồng*). Kết quả điều tra xác định:

- Có 52 người vay tiền với 157 lượt vay, tổng số tiền vay là 1.499.000.000 đồng; tiền lãi thu được là 244.001.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 217.468.945 đồng (tức là trừ đi mức lãi suất được hưởng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự); số tiền gốc người vay còn nợ Nguyễn Văn H (*số lượt người vay chưa trả đủ tiền theo ngày như đã thỏa thuận*) là 305.142.000 đồng (có bảng kê kèm theo). Trong 52 người vay tiền với 157 lượt vay này, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 04/6/2018, Nguyễn Văn Đ đã cùng với H cho 48 người vay tiền với 134 lượt vay; tổng số tiền vay là 1.273.000.000 đồng; tiền lãi thu được là 236.451.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 210.741.959 đồng.

(Trong số này, tổng số người đã trả hết cả gốc và lãi là 45 người với 105 lượt vay, số tiền cho vay là 975.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 199.750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 177.940.685 đồng.)

- Còn lại 41 người vay tiền với 130 lượt vay; tổng số tiền vay là 1.463.000.000 đồng theo lời khai của Nguyễn Văn H, Cơ quan điều tra đã xác minh những người vay tiền này nhưng đã đi khỏi nơi cư trú, không biết ở đâu, hoặc không đúng nơi cư trú khi vay tiền, nên không thể điều tra làm rõ được (có bảng kê kèm theo).

Ngoài ra, trong thời gian từ ngày 23/3/2018 đến ngày 04/6/2018, Nguyễn Văn H còn mở cơ sở 2 cho vay tiền trả góp tại số nhà 37 Tô Hiến Thành, phường Duy Tân, TP. K và cho Nguyễn Văn Đ làm việc tại đây, nhưng vẫn thuộc quản lý của H, cách thức cho vay tiền và trả tiền như ở cơ sở 386 H, TP. K. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Đ làm việc cho H đến ngày 04/6/2018 thì nghỉ. Tại cơ sở 2, H cùng Đ cho 12 người vay tiền với 23 lượt vay, tổng số tiền vay là 254.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định:

- Có 07 người vay tiền với 11 lượt vay, tổng số tiền vay là 119.000.000 đồng; tiền lãi thu được là 16.207.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 14.440.425 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ Nguyễn Văn H (*số lượt người vay chưa trả đủ tiền theo ngày như đã thỏa thuận*) là 39.757.000 đồng (có bảng kê kèm theo).

(Trong số này, tổng số người đã trả hết cả gốc và lãi là 04 người với 04 lượt vay, số tiền cho vay là 44.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 8.800.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.842.192 đồng.)

- Còn lại 05 người vay tiền với 12 lượt vay, tổng số tiền vay là 135.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã xác minh những người vay tiền này, tất cả đều bỏ đi khỏi nơi cư trú, không biết ở đâu, nên không thể điều tra làm rõ được (có bảng kê kèm theo).

Như vậy, tại hai cơ sở, Nguyễn Văn H đã cho 59 người vay tiền, với 168 lượt vay, tổng số tiền là 1.618.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười tám triệu đồng*), lãi suất quy đổi theo ngày ra năm là 182,5%/năm, tổng số tiền lợi bất chính là 231.909.370 đồng (*Hai trăm ba một triệu chín trăm linh chín ngàn ba trăm bảy mươi đồng*). Trong đó, Nguyễn Văn Đ tham gia cùng với Nguyễn Văn H cho 55 người vay tiền, với 145 lượt vay, tổng số tiền là 1.392.000.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng*), tổng số tiền thu lợi bất chính là 225.182.384 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi hai ngàn ba trăm tám mươi tư đồng*).

(Tổng số người đã trả hết cả gốc và lãi của hai cơ sở là 49 người với 109 lượt vay, số tiền cho vay là 1.019.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm mười chín triệu đồng*), số tiền lãi thu được là 208.550.000 đồng (*Hai trăm lẻ tám triệu năm trăm năm mươi ngàn*

đồng), số tiền thu lợi bất chính là 185.782.877 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*)).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Áp dụng: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H **06 (sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 18/6/2018 đến ngày 31/7/2018.

+ Hình phạt bổ sung: bị cáo H còn phải nộp số tiền 20.800.000 đồng (*hai mươi triệu, tám trăm ngàn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2019, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/3/2019 bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đến ngày 24/4/2019 bị cáo Đ có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo thừa nhận án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng chủ thể, trong hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung: Nhằm mục đích vụ lợi, Nguyễn Văn H đã cho vay tiền với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, quy đổi tương đương 182,5%/ năm, cao gấp 09 lần mức lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 117.231.507 đồng. Do đó bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án

06 tháng tù là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại Hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, Nguyễn Văn H với sự giúp sức của Nguyễn Văn Đ đã cho 59 người vay tiền, với 168 lượt vay, với tổng số tiền cho vay là 1.608.000.000 đồng. Mức lãi suất cho vay được tính 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, quy đổi tương đương 182,5%/năm. Trong khi đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm. Như vậy, bị cáo đã cho vay với mức lãi cao gấp 9 lần mức lãi cao nhất quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 117.231.507 đồng.

Hành vi cho vay tiền với lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 117.231.507 đồng của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H thì thấy: Nhằm mục đích vụ lợi, bị cáo Nguyễn Văn H đã cho người khác vay tiền với lãi suất cao gấp 09 lần mức cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù và phạt tiền bổ sung bị cáo 40 triệu đồng là nhẹ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù được trừ đi 01 tháng 13 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 18/6/2018 đến ngày 31/7/2018), còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đã nộp 19.200.000 đồng theo ủy nhiệm cho điện tử ngày 29/11/2018. Số tiền còn Nguyễn Văn H phải nộp 20.800.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tôn